ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Đặc điểm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cũng như các loại hình doanh nghiệp khác, doanh nghiệp nhỏ và vừa có một số đặc điểm cơ bản nhất định trong quá trình hình thành và phát triển, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ khởi nghiệp: So với các loại hình doanh nghiệp khác, các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ khởi nghiệp hơn vì hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể bắt đầu kinh doanh ngay khi có ý tưởng kinh doanh với những điều kiện giản đơn như vốn ít, số lao động không nhiều, diện tích mặt bằng kinh doanh không lớn và các điều kiện, phương tiện làm việc đơn giản. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu như không đòi hỏi một lượng vốn đầu tư lớn ngay trong giai đoạn đầu mới thành lập và hoạt động, và thường phát triển từ các doanh nghiệp có quy mô nhỏ tiến dần lên quy mô lớn hơn, thể hiện qua thực tiễn phát triển của các nước trên thế giới, có rất nhiều doanh nghiệp lớn và công ty đa quốc gia có xuất phát điểm ban đầu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (tập đoàn Samsung; tập đoàn Wal-Mart; tập đoàn Intel;...).

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tính linh hoạt, năng động cao, dễ thích ứng với các biên động của thị trường: Do quy mô không lớn, cơ cấu tổ chức và sản xuất không phức tạp nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, những dao động và sự thay đổi nhanh chóng của thị trường, những biến động về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Trong hoạt động thương mại, nhờ tính linh hoạt, dễ tham gia thị trường cũng như dễ rút lui khỏi thị trường khi điều kiện kinh doanh không thuận lợi nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dễ dàng tìm kiếm lợi nhuận từ những "ngách" của thị trường, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển đổi của nền kinh tế.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có một số lợi thế tương đối nhờ phát huy nguồn lực đầu vào tại chỗ như lao động, tài nguyên hay nguồn vốn, khai thác và phát huy các ngành, nghề truyền thống của từng địa phương. So với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa có lợi thế hơn trong việc khai thác, duy trì và phát triển các ngành, nghề truyền thông; có nhiều thuận lợi trong việc khai thác các tiềm năng phong phú của người dân địa phương như lao động, tài

nguyên, vốn,... để phát triển sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có lợi thế hơn trong việc theo sát nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, qua đó có thể sản xuất kinh doanh nhiều loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ mới đáp ứng tốt hơn nhu cầu của tiêu dùng, về khía cạnh này, có thể khẳng định doanh nghiệp nhỏ và vừa có một số lợi thế trong việc định hướng và làm xuất hiện nhiều nhu cầu mới từ người tiêu dùng, sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần tạo ra nhiều loại sản phẩm và dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều lợi thế trong sử dụng lao động: Do quy mô không lớn nên các quan hệ lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường có tính chất thân thiện, gần gũi và thường xuyên hơn so với các doanh nghiệp lớn, do vậy các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nắm bắt đặc điểm tâm lý, năng lực, trình độ của người lao động để có thể bố trí sử dụng hoặc kèm cặp, bồi dưỡng kịp thời, phù hợp với yêu cầu công việc. Mặt khác, trong môi trường doanh nghiệp nhỏ và vừa, người lao động dễ dàng được quan tâm, động viên, và khuyến khích làm việc - điều này rất phù hợp với đặc điểm tâm lý và văn hóa người lao động, đặc biệt là ở các nước châu Á. Như vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có lợi thế hon trong việc tạo động lực tinh thần cho các cá nhân người lao động.

Hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nhỏ, hoạt động phân tán, thiếu nguồn lực để tiến hành các ý tưởng kinh doanh lớn, các dự án đầu tư lớn, các dự án đầu tư công cộng; không đủ kỹ năng để tham gia cạnh tranh hiệu quả trong các thị trường với mức tự do hóa ngày càng tăng. Quản lý nội bộ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn yếu kém, thiếu tính chiến lược và kế hoạch dài hạn; năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ nghiệp vụ, cán bộ quản lý còn yếu; quản lý tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa thường thiếu minh bạch. Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa có trình độ khoa học kỹ thuật, trang thiết bị kỹ thuật lạc hậu, do đó, suất tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu cao.

Do không có lợi thế kinh tế theo quy mô nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường bị yếu thế trong các mối quan hệ với ngân hàng, với chính phủ và giới báo chí cũng như thiếu sự ủng hộ của đông đảo công chúng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường bị phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp lớn trong

quá trình phát triển, đặc biệt là phụ thuộc về thương hiệu hàng hóa, thị trường, công nghệ, tài chính,... do vậy, trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường dễ dàng bị các doanh nghiệp lớn thâu tóm hoặc chịu sự cạnh tranh mạnh, dễ thua thiệt dẫn đến phá sản.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chịu nhiều rủi ro trong kinh doanh hơn các doanh nghiệp lớn: Do hạn chế về nguồn vốn và lao động, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khó tiếp cận và thực hiện các cơ hội đầu tư lớn, cơ hội đầu tư đa lĩnh vực. Trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp những điều kiện không thuận lợi sẽ không tránh khỏi những tổn thất nhất định, thậm chí, có thể phá sản nhanh chóng.

Ngoài các đặc điểm chung như đã nêu trên, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam còn có những đặc điểm riêng sau:

Kinh tế tư nhân tuy rộng lớn nhưng về cơ bản là kinh tế hộ quy mô nhỏ và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Trình độ khoa học - công nghệ và năng lực đổi mới trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam còn thấp, số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thấp, số lượng các chuyên gia và các nhà khoa học làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số lao động làm việc trong khu vực này.

Theo số liệu thông kê, số lượng các chuyên gia và các nhà khoa học làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ chiếm 0,025% tổng số lao động của khu vực này; có khoảng 80- 90% máy móc và công nghệ sử dụng trong các doanh nghiệp là nhập khẩu, trong đó có 76% từ những năm 1980-1990 và 75% số máy móc, trang thiết bị đã hết khấu hao[1]. Chỉ có 10% số máy móc, thiết bị đang được sử dụng trong các doanh nghiệp là hiện đại; trong khi có tới 38% là trung bình và 52% là lạc hậu và rất lạc hậu; chỉ có 2% các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao; việc đầu tư cho đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa rất thấp, chỉ khoảng 0,2-0,3% tổng doanh thu; trình độ thiết bị công nghệ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài nhà nước chỉ bằng 3% mức trang bị kỹ

---

1 Xem Cao Sỹ Khiêm: "Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực trạng và giải pháp hỗ trợ năm 2013", tạp chí Tài chính, số 2-2013.

thuật trong các doanh nghiệp lớn[2].

- Chất lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thấp. Hiện nay, đa số các chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý doanh nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thiếu các kiên thức quản trị và kỹ năng, kinh nghiệm quản lý do chưa được đào tạo một cách bài bản về kiến thức và kỹ năng quản lý, kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế; hầu hết lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa qua đào tạo và thường kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau trong doanh nghiệp.

Theo kết quả điều tra hơn 2.600 doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh hoạt động trong khu vực chế biến tại 9 tỉnh/thành phố của cả nước năm 2015, có 72,82% chủ doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp đã tốt nghiệp trung học phổ thông; 20,69% tốt nghiệp trung học cơ sờ; 5,96% tốt nghiệp tiểu học và 0,53% không đi học và chưa tốt nghiệp tiểu học. Về trình độ chuyên môn kỹ thuật, 53,68% chủ doanh nghiệp và người quản lý có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhưng không có bằng hoặc có trình độ sơ cấp nghề; 16,12% tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung học chuyên nghiệp; 7,17%có trình độ cao đẳng hoặc cao đẳng nghề; 19,78% có trình độ từ đại học trở lên và còn 3,25% là không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Về kinh nghiệm làm việc, có 3,15% các chủ doanh nghiệp đã từng là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các ngành, các cấp hoặc các đon vị; 12,56% các chủ doanh nghiệp đã từng là công nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc cao và bậc trung trong các lĩnh vực; có tới 28,33% là lao động giản đơn trước khi là chủ doanh nghiệp[3].

Ngoài ra, tay nghề của người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam còn hạn chế. Tuy Việt Nam có lực lượng lao động dồi dào, trình độ học vấn tương đối cao so với các nước có cùng trình độ phát triển, nhưng chủ yếu là lao động làm việc giản đơn, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề thấp, sức khỏe hạn chế, năng suất lao động không cao,...

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu vốn và khó tiếp cận vốn vay: Hiện nay, chỉ có khoảng 30% các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được nguồn vốn

---

2 Xem Nguyễn Thị Nhiễu: *"Một sô'giải pháp năng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong bỗĩ cảnh hội nhập quốc tế', www.tapchitaichinh.vn*, ngày 18-3-2013.

3 Tác giá tính toán từ số liệu Điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam (SME) năm 2015 do Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện năm 2015.

vay ngân hàng, số còn lại phải sử dụng vốn tự có hoặc vốn vay từ các nguồn vốn khác với lãi suất vay cao từ 15-18%. Nguyên nhân chủ yếu của việc khó tiếp cận vốn vay chủ yếu là do các trở ngại về thủ tục vay, về yêu cầu thế chấp, lãi suất và các điều kiện vay vốn không phù hợp. Ngoài ra, do công tác tổ chức điều hành quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế, đặc biệt là việc sử dụng dịch vụ tư vấn, do đó, các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp còn sơ sài, thiếu minh bạch, số liệu thiếu chính xác,... nên chưa tạo được niềm tin cho các tổ chức tín dụng trong việc vay vốn.

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam chưa cao, chất lượng sản phẩm thấp, chưa đa dạng về mẫu mã. Khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, đặc biệt là khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu còn thấp so với các nước trong khu vực và thế giới trên các tiêu chí về giá cả, chất lượng, mẫu mã, hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng, vốn, thị trường tiêu thụ; đa số các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam là thô hoặc sơ chế, giá trị gia tăng thấp. Đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam có thị phần hẹp, chưa có thương hiệu nổi tiếng và chưa tham gia vào được chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, chưa trở thành một nhân tố quan trọng trong phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam.

Năng lực quản trị doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế. Trình độ, năng lực tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị doanh nghiệp còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh dựa trên kinh nghiệm, kinh doanh theo phi vụ mà chưa có chiên lược kinh doanh. Hiện tại, số doanh nghiệp nhỏ và vừa chú ý đến việc thành lập phòng marketing hoặc bộ phận nghiên cứu thị trường, năng lực sử dụng công nghệ thông tin để tiếp cận thị trường cũng như sử dụng các nguồn thông tin từ thị trường của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế, tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia thấp.

- Sự liên kết, hợp tác hạn chế giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và sự liên kết hợp tác theo hiệp hội ngành hàng, theo địa bàn còn lỏng lẻo; sự bất cập trong cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã hạn chế phần nào khả năng cạnh tranh và phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

nhỏ và vừa ở Việt Nam.

2. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các nước (trong đó có Việt Nam) thời gian qua cho thấy loại hình doanh nghiệp này có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, trong mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ. Vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế được thể hiện thông qua các nội dung như: có khả năng tạo nhiều việc làm với chi phí thấp; cung cấp cho xã hội khối lượng đáng kể hàng hóa và dịch vụ, qua đó góp phần làm tăng GDP cho nền kinh tế; tăng cường kỹ năng quản lý và đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất; góp phần làm giảm bớt chênh lệch về thu nhập trong xã hội, xóa đói, giảm nghèo và tăng sự công bằng trong nền kinh tế; tăng nguồn đầu tư và tiết kiệm của dân cư địa phương, góp phần làm cho nền kinh tế năng động và hiệu quả hơn; cải thiện mối quan hệ giữa các khu vực kinh tế khác nhau. Mức độ đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào sự phát triển kinh tế của các nước thường được đo lường thông qua các chỉ tiêu như mức độ thu hút lao động, vốn đầu tư, giá trị gia tăng tạo ra trong nền kinh tế.

Cụ thể: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Trung Quốc hiện nay chiếm tới 99% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế, đóng góp trên 60% tổng sản phẩm quốc dân, trên 60% kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm cho hơn 80% lao động thành thị và trên 70% lao động nông thôn. Năm 2010, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nhật Bản chiếm 99% tổng số doanh nghiệp, thu hút trên 80% lực lượng lao động, chiếm tới 99,1% thu nhập bán buôn và 99,8% thu nhập bán lẻ. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đài Loan đóng góp khoảng 40% GNP, khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu và thu hút được 68% lực lượng lao động của cả nước. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Singapore chiếm tới 92% tổng số doanh nghiệp, thu hút 48% lực lượng lao động và tạo ra 29% giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Mỹ năm 2003 chiếm khoảng 99,7% tổng số các hãng kinh doanh có thuê nhân công, thu hút khoảng 57% lực lượng lao động trong nền kinh tế, tạo ra khoảng 60-80% việc làm mới, sản xuất ra 51% tổng sản phẩm của khu vực tư nhân, chiếm 47% tổng doanh thu bán hàng, chiếm 31% doanh thu xuất khẩu hàng hóa, và chiếm 97% tổng số các nhà xuất khẩu

hàng hóa4.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có các vai trò sau:

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng tạo nhiều việc làm cho người lao động, trung bình mỗi năm giai đoạn 2007- 2012, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng thêm 15,55% số lao động; trong khi các doanh nghiệp lớn chỉ tăng thêm 7,26% số lao động. Năm 2012, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam thu hút khoảng 52,5% lực lượng lao động của cả nước.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước: Năm 2012, mức nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 320.061.716 triệu đồng (tăng gấp 5,11 lần so với năm 2007), chiêm 56,37% tổng nộp ngân sách[5].

Về giá trị gia tăng: giá trị gia tăng của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng nhanh và luôn đạt mức cao hon so với khu vực doanh nghiệp lớn. Đến năm 2012, giá trị gia tăng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tăng lên rất nhanh và lớn hơn 2,37 lần so với giá trị gia tăng của các doanh nghiệp lớn.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam đóng góp từ trên 40% đến 72% GDP của cả nước qua các năm trong giai đoạn 2007-2012. Năm 2011, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam gặp nhiều khó khăn, song vẫn có 77.548 doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 513.000 tỷ đồng; các doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo ra 45- 50% khối lượng hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp 33% sản lượng công nghiệp và 33% giá trị xuất khẩu.

Hiệu quả sử dụng vốn của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa cao hơn so với các loại hình doanh nghiệp khác: Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, để tạo ra một đơn vị giá trị GDP, khu vực kinh tế tư nhân chỉ cần 3,74 đơn vị đầu tư, trong khi khu vực nhà nước cần 8,28 đơn vị đầu tư và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần 4,99 đơn vị đầu tư; doanh nghiệp tư nhân có vốn 1 tỷ đồng tài sản tạo ra 1,18 tỷ đồng doanh thu, trong khi các doanh

---

4 Xem Nguyễn Thế Bính: "Kinh nghiệm quốc tê' về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam", tạp chí Phát triển và hội nhập, số' 12 (22), tháng 9-10/2013.

5 Tổng cục Thông kê: *So liệu tống điều tra doanh nghiệp hàng năm.*

nghiệp nhà nước chỉ tạo ra 0,8 tỷ đồng và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra 0,89 tỷ đồng6.

Trong những năm qua các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam đã góp phần quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác những tiềm năng, thế mạnh trong nhân dân: Với đặc điểm quy mô vừa và nhỏ, cần ít vốn nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển rộng khắp ở cả thành thị và nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã và đang thể hiện vai trò quan trọng đặc biệt đối với người dân ở nông thôn, góp phần thu hẹp khoảng cách phát hiển giữa thành thị và nông thôn, và có vai trò quan trọng trong việc thay đổi câu trúc của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế trở nên linh hoạt, dễ thích ứng với những biến động của kinh tế toàn cầu.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam góp phần cung cấp ra thị trường nhiều loại hàng hóa khác nhau đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Ngoài ra, các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn cung cấp hầu hết các sản phẩm trong nhiều ngành công nghiệp truyền thống thu hút nhiều lao động như giày dép, chiếu cói, gốm sứ,...

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam góp phần đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ doanh nhân, ươm mầm các tài năng kinh doanh. Ngoài ra, doanh nghiệp nhỏ và vừa còn là nơi đào tạo tay nghề và trau dồi kinh nghiệm cho các cán bộ quản lý, lao động của các doanh nghiệp lớn vì người lao động thường làm một thời gian nhất định tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, sau khi có đủ kinh nghiệm và kiến thức họ sẽ chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp lớn để có thể hướng thu nhập cao hơn hoặc có cơ hội phát triển tốt hơn. Nhờ có các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp lớn có thể tiết kiệm các chi phí đào tạo khi tuyển dụng được lao động có tay nghề, trình độ và kinh nghiệm từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

---

6 Xem Nguyễn Ngọc Thắng: "Nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp nhỏ và vừa", tạp chí Kinh tếvà dự háo, số 17-2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá, Trần Kim Hào, Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong điều kiện hội nhập, kinh tế quốc tế, NXB Chính trị Quốc gia, 2016
2. Luật Doanh nghiệp 1999
3. Luật Doanh nghiệp 2005
4. Luật Doanh nghiệp 2014
5. Cải cách Doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam, GS.TS Nguyễn Quang Thuấn, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật
6. TS Ninh Thị Minh Tâm, Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2016

TTBD ĐBDC